TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 415/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Phúc Duy Khang

2/ Ông Phạm Bá Chương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1268/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim D - sinh năm 1980

Căn cước công dân số xxxxxxxxxxx do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/11/2022

Thường trú: số B đường T, phường T (trước đây là Khu phố C, phường T, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

(có đơn yêu cầu vắng mặt)

2/ Bị đơn: Ông Đinh Quốc K - sinh năm 1978

Chứng minh nhân dân số xxxxxxxxx

Thường trú: số B đường T, phường T (trước đây là Khu phố C, phường T, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Đỗ Thị Kim D trong quá trình tham gia tố tụng:

Bà và ông Đinh Quốc K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức hỏi cưới, đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Trong quá trình chung sống, từ khoảng năm 2010 ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông K không chí thú làm ăn, cờ bạc gây ra nợ nần, bà đã nhiều lần trả nợ cho ông K. Bà cũng đã nhiều lần khuyên nhủ ông K để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng ông K vẫn không thay đổi. Bà đã chịu đựng nhiều năm nay và nay không còn khả năng chịu đựng thêm được nữa. Nay do không hàn gắn được mâu thuẫn, bà đã suy nghĩ kỹ và xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Đinh Hoàng Ngọc Y sinh ngày 27/11/2007 và Đinh Hoàng Ngọc Á sinh ngày 01/3/2010. Bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngày 12/6/2025 bà Đỗ Thị Kim D có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Ông Đinh Quốc K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều

28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đinh Quốc K cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Đỗ Thị Kim D có đơn yêu cầu vắng mặt, ông Đinh Quốc K đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Về hôn nhân:

Bà Đỗ Thị Kim D và ông Đinh Quốc K tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 84 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 21/8/2006. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nay bà D nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông K, trong quá trình giải quyết vụ án bà D kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà D: Bà D và ông K kết hôn hợp pháp, theo bà D trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông K không chí thú làm ăn, cờ bạc gây ra nợ nần, bà đã nhiều lần trả nợ cho ông K. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà D, ông K tại Ủy ban nhân dân phường T và được phúc đáp tại văn bản số 280/UBND ngày 24/3/2025 với nội dung: Bà D làm công việc buôn bán thịt heo tại chợ, ông K hiện nay đang thất nghiệp, không có thu nhập, công việc hàng ngày là đưa con đi học. Xét thấy, để duy trì cuộc sống gia đình hạnh phúc thì cả hai vợ chồng cần có sự tôn trọng, thương yêu, chia sẻ với nhau, cả hai đều cùng có mong muốn xây dựng gia đình chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông K nhiều lần nhưng ông K vắng mặt không đến Tòa nên không ghi nhận được ý kiến của ông K. Trong khi đó, bà D kiên quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 285 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ

Chí Minh) cấp ngày 17/12/2007 cho Đinh Hoàng Ngọc Y, giấy khai sinh số 92, quyển số 03/2010 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 11/5/2010 cho Đinh Hoàng Ngọc Á có căn cứ xác định bà Đỗ Thị Kim D và ông Đinh Quốc K có 02 con chung tên Đinh Hoàng Ngọc Y sinh ngày 27/11/2007 và Đinh Hoàng Ngọc Á sinh ngày 01/3/2010.

Xét yêu cầu của bà D về việc nuôi dưỡng con chung: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông K về yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà D nhưng ông K không có ý kiến. Tòa án đã ghi nhận ý kiến của 02 cháu Đinh Hoàng Ngọc Y, Đinh Hoàng Ngọc Á và các cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà D. Từ những lý do trên nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Đinh Hoàng Ngọc Y sinh ngày 27/11/2007 và Đinh Hoàng Ngọc Á sinh ngày 01/3/2010 sau khi ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận, giao con chung tên Đinh Hoàng Ngọc Y sinh ngày 27/11/2007 và Đinh Hoàng Ngọc Á sinh ngày 01/3/2010 cho bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Bà D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà D xác định không có.

[4] Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim D được ly hôn với ông Đinh Quốc K.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Đinh Hoàng Ngọc Y sinh ngày 27/11/2007 và Đinh Hoàng Ngọc Á sinh ngày 01/3/2010.

Bà Đỗ Thị Kim D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Đinh Hoàng Ngọc Y sinh ngày 27/11/2007 và Đinh Hoàng Ngọc Á sinh ngày 01/3/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Kim D không yêu cầu ông Đinh Quốc K cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

3. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Kim D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Kim D xác định không có.

5. Về án phí: Bà Đỗ Thị Kim D phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Đỗ Thị Kim D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0080297 ngày 10/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Đỗ Thị Kim D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân khu vực 2 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thủy